Chi tiết mã HS 8404.10.19

Mã HS	8404.10.19
Mô tả hàng hóa	Thiết bị phụ trợ dùng cho các loại nồi hơi thuộc nhóm 84.02 hoặc 84.03 (ví dụ, bộ tiết kiệm nhiên liệu, thiết bị quá nhiệt, máy cạo rửa nồi hơi, thiết bị thu hồi chất khí); thiết bị ngưng tụ dùng cho các tổ máy động lực hơi nước hoặc hơi khác / - Thiết bị phụ trợ dùng cho các loại nồi hơi thuộc nhóm 84.02 hoặc 84.03: / - - Dùng cho nồi hơi thuộc nhóm 84.02: / - - - Loại khác
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	03/11/2026 03:14:59
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/84041019/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K12847
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N12847
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q12847
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E12121
ATIGA	2022	2022	0	AT!E12064
ATIGA	2023	2023	0	AT!F12064
ATIGA	2024	2024	0	AT!G12064
ATIGA	2025	2025	0	AT!H12064
ATIGA	2026	2026	0	AT!I12064
ATIGA	2027	2027	0	AT!J12064
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E12116
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F12116
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G12116
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H12116

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I12116
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J12116
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E12117
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F12117
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G12117
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H12117
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I12117
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J12117
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F12120
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H12070
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F12076
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G12076
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H12076
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I12076
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J12076
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K12076
VKFTA	2022	2022	0	VK!E12109
VKFTA	2023	2023	0	VK!F12109
VKFTA	2024	2024	0	VK!G12109
VKFTA	2025	2025	0	VK!H12109
VKFTA	2026	2026	0	VK!I12109
VKFTA	2027	2027	0	VK!J12109
VCFTA	2022	2022	0	VC!D12154
VCFTA	2023	2023	0	VC!E12154
VCFTA	2024	2024	0	VC!F12154
VCFTA	2025	2025	0	VC!G12154

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H12154
VCFTA	2027	2027	0	VC!I12154
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D12139
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E12139
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F12139
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G12139
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H12139
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I12139
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D12139
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E12139
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F12139
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G12139
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H12139
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I12139
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D12156
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E12156
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F12156
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G12156
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H12156
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I12156
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D12155
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E12155
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F12155
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G12155
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H12155
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I12155

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D12102
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E12102
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F12102
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G12102
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H12102
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I12102
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J12102
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D12139
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E12139
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F12139
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G12139
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H12139
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I12139
RCEP B	2022	2022	0	B!D12139
RCEP B	2023	2023	0	B!E12139
RCEP B	2024	2024	0	B!F12139
RCEP B	2025	2025	0	B!G12139
RCEP B	2026	2026	0	B!H12139
RCEP B	2027	2027	0	B!I12139
RCEP C	2022	2022	0	C!D12139
RCEP C	2023	2023	0	C!E12139
RCEP C	2024	2024	0	C!F12139
RCEP C	2025	2025	0	C!G12139
RCEP C	2026	2026	0	C!H12139
RCEP C	2027	2027	0	C!I12139
RCEP D	2022	2022	0	D!D12138

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E12138
RCEP D	2024	2024	0	D!F12138
RCEP D	2025	2025	0	D!G12138
RCEP D	2026	2026	0	D!H12138
RCEP D	2027	2027	0	D!I12138
RCEP E	2022	2022	0	E!D12142
RCEP E	2023	2023	0	E!E12142
RCEP E	2024	2024	0	E!F12142
RCEP E	2025	2025	0	E!G12142
RCEP E	2026	2026	0	E!H12142
RCEP E	2027	2027	0	E!I12142
RCEP F	2022	2022	0	F!D12139
RCEP F	2023	2023	0	F!E12139
RCEP F	2024	2024	0	F!F12139
RCEP F	2025	2025	0	F!G12139
RCEP F	2026	2026	0	F!H12139
RCEP F	2027	2027	0	F!I12139
VIFTA	2024	2024	0	VI!F11223
VIFTA	2025	2025	0	VI!G11223
VIFTA	2026	2026	0	VI!H11223
VIFTA	2027	2027	0	VI!I11223

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8404.10 có 3 dòng thuế; dòng 8404.10.19 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	8404.10.11 Thiết bị loại bỏ muội (máy thổi muội); 8404.10.20 Dùng cho nồi hơi thuộc nhóm 84.03	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8404.10.19. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8404.10.19 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N12847), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.